

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/HS-ST

Ngày: 27/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà, bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Ngọc G, sinh năm 1962 tại tỉnh Hải Dương; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Số B Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị P (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 04 ngày 12/01/1993 của Tòa án nhân dân thị xã Hải Dương, tỉnh Hải Hưng xử phạt Giao 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Chống người thi hành công vụ quy định tại khoản 1 Điều 205 Bộ luật Hình sự năm 1985; bị cáo đã chấp hành xong bản án;

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 20 ngày 13/02/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương và Bản án phúc thẩm số 1581 ngày 28/8/1998 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phạt Giao 15 tháng tù về tội Bắt giữ người trái pháp luật; 12 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; 12 tháng tù về tội Vu khống và 36 tháng tù về tội Cướp tài sản công dân. Tổng hợp hình phạt là 08 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/8/1997. Giao chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/11/2002, đã được đình chỉ thi hành án dân sự theo Quyết định đình chỉ thi hành án số 396 ngày 23/9/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương;

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 123 ngày 11/4/2006 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt Giao 06 năm 06 tháng tù về tội

Tàng trữ trái phép chất ma túy, phạt bổ sung 7.000.000 đồng và 50.000 đồng án phí; chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/8/2011, đã chấp hành xong án phí và tiền phạt ngày 27/7/2017;

Bị tạm giam từ ngày 28/5/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Chu Thanh N - Văn phòng luật sư Chu Văn C thuộc Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: Số A T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt

2. **Nguyễn Đình H**, sinh năm 2000 tại tỉnh Hải Dương; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình K (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 26/5/2024 đến ngày 28/5/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H đến nay; có mặt

3. **Nguyễn Xuân S**, sinh năm 1999 tại tỉnh Hải Dương; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T1 và bà Nguyễn Thị Tuyết L1; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 16 ngày 06/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt S 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và 200.000 đồng án phí, S chấp xong hình phạt tù ngày 19/12/2019, nộp án phí ngày 06/5/2019; bị tạm giữ ngày 26/5/2024 đến ngày 28/5/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H đến nay; có mặt

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Bá T2, sinh năm 1996

2. Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1981

3. Ông Trịnh Xuân T3, sinh năm 1950

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 ngày 25/5/2024, Nguyễn Đình H sử dụng tài khoản Messenger “HùNg Con” gọi và nhắn tin đến tài khoản Messenger “Sơn Gấu” của Nguyễn Xuân S rủ S cùng mua ma túy về sử dụng. S đồng ý và điều khiển xe mô tô đến đón H (xe mô tô Alpha màu trắng - đen, biển số 34E1- 222.03 S mượn của anh Nguyễn Bá H1, sinh năm 1998 ở thôn Đ, xã H, huyện N). H điều khiển xe mô tô chở S đến nhà Phạm Ngọc G ở số B, đường Đ, phường B, thành

phố H, tỉnh Hải Dương mua ma túy. S đứng ngoài sân, H vào trong nhà đưa cho G 500.000 đồng, Giao nhận tiền rồi lấy 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng đưa cho H. H và S đi đến nhà nghỉ H2 của ông Trịnh Xuân T3, sinh năm 1950, ở thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương thuê phòng 255 để sử dụng ma túy. Lúc này khoảng hơn 23 giờ, H gọi điện qua ứng dụng Messenger của anh Nguyễn Bá T2, sinh năm 1996, trú tại thôn V, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương đến sử dụng ma túy. Anh T2 đi bộ từ nhà đến phòng 255 nhà nghỉ H2. H bỏ túi ma túy vừa mua cho vào trong coóng thủy tinh (là dụng cụ sử dụng ma túy H cất trong người), dùng bật lửa đốt để H, S, T2 sử dụng bằng cách hít trực tiếp, đến hồi 00 giờ 10 phút ngày 26/5/2024, thì bị tổ công tác thuộc Công an huyện N, tỉnh Hải Dương kết hợp với Công an xã T, huyện N phát hiện, bắt quả tang. Các vật chứng thu giữ: 01 chai nhựa trong suốt bên trong chai nhựa không có dung dịch gì, nắp chai nhựa màu trắng bị đục 02 lỗ, một lỗ cắm ống nhựa dạng ống hút màu trắng dài 25 cm đường kính ống 0,5 cm, một lỗ cắm 01 coóng thủy tinh dài 9 cm, đường kính ống 0,5 cm, một đầu có phễu hình cầu đã bị vỡ mảnh coóng thủy tinh có bám dính chất tinh thể màu vàng trắng; 01 túi nilon màu trắng kích thước 02 cm x 02 cm bên trong bám dính tinh thể màu trắng dạng cục; 01 bật lửa gas màu đỏ; 03 điện thoại di động của H, S, T2 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave Alpha màu trắng- đen, biển số 34E1- 22.203.

Tại Kết luận giám định số 266/KL- KTHS ngày 27/5/2024, Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận đối với các vật chứng thu giữ tại phòng 255 tầng 2 nhà nghỉ H2 như sau: Chất tinh thể màu vàng bám dính bên trên mảnh vỡ coóng thủy tinh là ma túy loại Methamphetamine. Lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng; chất tinh thể màu trắng bám dính bên trong túi nilon màu trắng là ma túy loại Methamphetamine. Lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.

Thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Ngọc G tại số B, đường Đ, phường B, thành phố H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thu giữ:

* Trong lòng bàn tay trái của Phạm Ngọc G 01 hộp nhựa hình trụ tròn màu trắng không nắp đây, kích thước khoảng 7,5cm x 4,5cm x 3,5cm, bên trong hộp nhựa có 18 túi nilon trong suốt cùng kích thước khoảng 2,5cm x 2cm, miệng túi có vạch kẻ ngang màu xanh, bên trong túi chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng.

* Tại phòng ngủ đầu tiên, bên trái phát hiện:

- Vị trí trên mặt bàn bằng đá giáp âm ly có 01 hộp bìa carton màu xanh, kích thước khoảng 15,5cm x 10,5cm x 6,5cm, mặt hộp có chữ “Vmax”, bên trong hộp có: 01 túi nilon trong suốt, miệng túi có vạch kẻ ngang màu xanh, kích thước khoảng 2,5cm x 2cm, bên trong chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng; 01 hộp nhựa hình trụ tròn màu trắng có nắp đây, kích thước khoảng 7,5cm x 4,5cm x 3,5cm, bên trong có 17 túi nilon trong suốt cùng kích thước khoảng 2,5cm x 2cm, miệng túi có vạch kẻ ngang màu xanh, bên trong chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng.

- Vị trí khe giữa chân tường với chân bàn để âm ly:

+ 01 hộp nhựa trong suốt kích thước khoảng 11,5cm x 11,5cm x 5cm, nắp đáy ghi chữ “Nụ trầm đốt đỉnh”, bên trong có 01 túi nilon trong suốt kích thước khoảng 11,5cm x 9cm, chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng.

+ 01 hộp kim loại hình trụ tròn màu đỏ - vàng nâu, kích thước khoảng 15,5cm x 7cm, mặt ngoài đáy hộp có chữ “LU BÁNH QUY BƠ CÔNG THỨC PHÁP”; trong hộp có 06 gói nilon dán kín cùng kích thước khoảng 12cm x 8cm bên trong có nhiều túi zip trong suốt, miệng túi zip có vạch kẻ ngang (*không kiểm đếm số lượng túi zip*).

+ 01 hộp nhựa trong suốt, có nắp đáy, kích thước khoảng 11,5cm x 11,5cm x 5cm, bên trong có 04 hộp nhựa hình trụ tròn màu trắng có nắp đáy cùng kích thước khoảng 5cm x 4,5cm, thân hộp dán ký tự “SHARK EXTRACT”, bên trong gồm:

Hộp nhựa thứ nhất có 28 túi nilon trong suốt, cùng kích thước khoảng 2,5cm x 2cm, bên trong chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng;

Hộp nhựa trụ tròn thứ 02 có 14 túi nilon trong suốt, cùng kích thước khoảng 2,5cm x 2,5cm, bên trong chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng;

Hộp nhựa trụ tròn thứ 03 có 16 túi nilon trong suốt, cùng kích thước khoảng 2,5cm x 2,5cm, bên trong chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng;

Hộp nhựa trụ tròn thứ 04 có 22 viên nén hình tròn, cùng kích thước khoảng 0,5cm x 0,3cm, một mặt của các viên nén đều có chữ “WY” in chìm đựng trong 01 túi nilon kích thước khoảng 9,3cm x 6cm;

- Vị trí dưới gầm bàn để âm ly có 01 hộp nhựa hình hộp chữ nhật trong suốt, kích thước khoảng 19cm x 13,5cm x 6cm, bên trong hộp chứa chất bột màu trắng và 01 túi nilon màu trắng, kích thước khoảng 12,5cm x 8cm, bên trong chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng; 01 hộp kim loại hình lục giác, kích thước khoảng 10cm x 5,5cm x 1,5cm, bên trong hộp có 01 túi nilon trong suốt, kích thước khoảng 2,5cm x 2,5cm, chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng; 02 túi nilon trong suốt, kích thước khoảng 2,5cm x 2,5cm, chứa chất bột màu trắng.

Tại Kết luận giám định số 268/KL- KTHS ngày 28/5/2024, Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận đối với vật chứng thu giữ tại nhà ở của Phạm Ngọc G:

- Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong 18 túi nilon màu trắng viền khóa màu xanh, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1, tổng khối lượng là: 3,943 gam, là ma túy loại Methamphetamine.

- Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong túi nilon màu trắng viền khóa màu xanh, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2, khối lượng là: 0,129 gam, là ma túy loại Methamphetamine.

- Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong 17 túi nilon màu trắng viền khóa màu xanh, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3, tổng khối lượng là: 6,388 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

- Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong túi nilon màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M4, khối lượng là: 0,275 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

- Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong 28 (Hai mươi tám) túi nilon màu trắng viền khóa màu xanh, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M5-1, tổng khối lượng là 6,393 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

- Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong 14 túi nilon màu trắng viền khóa màu xanh, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M5-2, tổng khối lượng là: 5,897 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

- Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong 16 túi nilon màu trắng viền khóa màu xanh, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M5-3, tổng khối lượng là: 3,461 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

- 22 viên nén hình trụ tròn màu đỏ trong túi nilon màu trắng viền khóa màu xanh, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M5-4, tổng khối lượng là: 2,394 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

- Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong túi nilon màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M6-2, khối lượng là: 10,898 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

- Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng trong túi nilon màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M7, khối lượng là: 0,574 gam, là ma túy, loại Ketamine.

- Chất bột màu trắng trong túi nilon màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M7, khối lượng là: 0,296 gam, là ma túy, loại Ketamine.

- Chất bột màu trắng trong túi nilon màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu M7, khối lượng là: 0,281gam, là ma túy, loại Ketamine.

- Chất bột màu trắng trong hộp nhựa niêm phong ký hiệu M6-1, khối lượng là: 432,348 gam, không tìm thấy chất ma túy.

Quá trình điều tra Phạm Ngọc G khai nhận: Khoảng ngày 15/5/2024, G mua của người phụ nữ tên D1 ở thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên 01 túi ma túy đá với giá 27.000.000 đồng về chia nhỏ ra để bán và sử dụng; số ma túy Ketamine và 22 viên nén hình trụ tròn màu đỏ (hồng phiến), D1 cho G để G sử dụng.

Ngoài hành vi bán ma túy cho H vào ngày 25/5/2024 nêu trên, quá trình điều tra vụ án G còn tự khai nhận khoảng 10 ngày trước đó G có bán cho H 300.000 đồng tiền ma túy, phù hợp với lời khai của H nhưng không nhớ thời gian, số tiền đã mua.

Tại Cáo trạng số 77/CT-VKS-P1 ngày 10/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố Phạm Ngọc G tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn

Đình H và Nguyễn Xuân S về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên, tỏ thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo G đồng ý tội danh, điều khoản pháp luật Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Phạm Ngọc G phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; các bị cáo Nguyễn Đình H, Nguyễn Xuân S phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

1. Về hình phạt:

1.1. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251, điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s, r khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phạm Ngọc G từ 15 năm đến 16 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành cho cả hai tội từ 17 năm đến 18 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 28/5/2024.

1.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Đình H từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/5/2024.

1.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Xuân S từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/5/2024.

1.4. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của Phạm Ngọc G số tiền bán ma túy cho H.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu cho phát mại sung ngân sách Nhà nước của các bị cáo H và S các điện thoại đã thu giữ do dùng vào việc phạm tội. Trả lại bị cáo G điện thoại di động không dùng vào việc phạm tội.

4. Vật chứng là ma túy hoàn lại sau giám định và những đồ vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy.

5. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo G; buộc các bị cáo H và S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, truy tố, biên bản khám xét khẩn cấp chỗ ở, biên bản bắt người phạm tội quả tang, các kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ ngày 25/5/2024, tại nhà ở của Phạm Ngọc G số 210 đường Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương, Phạm Ngọc G đã bán cho Nguyễn Đình H và Nguyễn Xuân S 01 gói ma túy loại Methamphetamine với giá 500.000 đồng (trước đó G đã bán ma túy một lần cho H, với giá 300.000 đồng). Hồi 00 giờ 10 phút ngày 26/5/2024, tại phòng nghỉ số B, tầng 2 nhà nghỉ H2 thuộc thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương khi Nguyễn Đình H, Nguyễn Xuân S và Nguyễn Bá T2 đang sử dụng trái phép chất ma túy thì bị phát hiện, bắt giữ. Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Ngọc G thu giữ 37,384 gam ma túy loại Methamphetamine, Giao mua về để bán và sử dụng; Giao tàng trữ trái phép 2,394 gam ma túy loại Methamphetamine và 1,151 gam ma túy loại Ketamine để sử dụng. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi của Phạm Ngọc G bán cho H ma túy và cất giấu 37,384 gam Methamphetamine để bán kiếm lời đã cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Phạm Ngọc G khai nhận cất giấu 22 viên hồng phiến (giám định xác định là 2,394 gam ma túy loại Methamphetamine) và 1,151 gam ma túy loại Ketamine chỉ để sử dụng cho bản thân. Lời khai nhận này của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với kết quả xét nghiệm ma túy ngay sau khi bị bắt xác định bị cáo dương tính với M1 và Ketamine. Do vậy, hành vi của bị cáo Phạm Ngọc G đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Đình H và Nguyễn Xuân S đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Trong vụ tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy có đồng phạm giản đơn. Bị cáo H là người đề xuất, trực tiếp mua ma túy, chuẩn bị công cụ để H, S, T2 sử dụng ma túy nên giữ vai trò đầu vụ; bị cáo S khi được H rủ mua ma túy thì đồng ý và đã dùng xe mô tô đến đón H, cùng H đi mua ma túy về sử dụng nên giữ vai trò là người thực hành sau bị cáo H.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Theo lời khai của G và H đều xác định trước ngày 25/5/2024, G đã từng bán ma túy cho H (không nhớ thời gian, số tiền đã mua) nên Giao phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo H, S không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi bị bắt, bị cáo G đã tự nguyện khai nhận hành vi trước đó đã bán ma túy cho H; năm 2017 bị cáo bị tai biến hiện tại bị liệt nửa người bên phải (hai chân và tay phải), khả năng nói kém, bị hạn chế về khả năng điều khiển hành vi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm r, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo S có ông ngoại là liệt sỹ, ông nội là thương binh hạng 4/1 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo H có nhân thân tốt, S từng bị xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo G từng bị xét xử nhiều lần về nhiều tội.

[6] Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do G bị xét xử về 02 tội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt. Các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo G đã thu của H 800.000 đồng tiền H mua ma túy, đây là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu của Giao để sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự.

[8] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 điện thoại Iphone 14 Pro max màu đen và 01 điện thoại Iphone 5s màu trắng kèm sim điện thoại thu giữ của Phạm Ngọc G quá trình điều tra xác định bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo. Đối với 01 điện thoại Samsung Galaxy S20 thu giữ của Nguyễn Đình H, 01 điện thoại LG V30 màu xanh thu giữ của Nguyễn Xuân S các bị cáo dùng điện thoại để liên lạc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên cần tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước. Các sim điện thoại của bị cáo H, S cần tịch thu cho hủy bỏ và kiến nghị với đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông thu hồi số thuê bao của các bị cáo nêu trên.

Vật chứng là ma túy hoàn lại sau giám định và những đồ vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo G là người trên 60 tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Những vấn đề khác: Quá trình điều tra không làm rõ được người bán và giao ma túy cho G là ai nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố Phạm Ngọc G phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; các bị cáo Nguyễn Đình H, Nguyễn Xuân S phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Về căn cứ pháp luật và hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251, điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s, r, q khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phạm Ngọc G 15 (Mười lăm) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, 02 (Hai) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành cho cả hai tội là 17 (Mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 28/5/2024.

2.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Đình H 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/5/2024.

2.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Xuân S 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/5/2024.

3. Về biện pháp tư pháp và vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước của Phạm Ngọc G 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc G 01 điện thoại Iphone 14 Promax màu đen kèm 01 sim điện thoại và 01 điện thoại Iphone 5s màu trắng kèm sim điện thoại, 01 đầu thu Camera nhãn hiệu HIK VISION màu đen đựng trong 01 hộp bìa niêm phong theo KLGĐ số 5137/KL-KTHS ngày 06/8/2024 của V - Bộ C1.

Tịch thu cho phát mại, sung ngân sách Nhà nước của Nguyễn Đình H 01 điện thoại Samsung Galaxy S20 màu xám; của Nguyễn Xuân S 01 điện thoại LG V30 màu xanh.

3.2. Tịch thu cho tiêu hủy:

+ 01 thẻ sim điện thoại số seri 8984048000915907525 và 01 thẻ sim điện thoại số seri 8984048000334518419;

+ 01 hộp bìa carton số 266/KL-KTHS bên trong chứa các mẫu vật hoàn lại sau giám định;

+ 01 hộp bìa carton số 268/KL-KTHS chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định có ký hiệu T11; 01 phong bì niêm phong số 268 chứa ma túy hoàn lại sau giám định ký hiệu T10; 01 phong bì niêm phong số 268 chứa ma túy hoàn lại sau giám định ký hiệu T9; 01 phong bì niêm phong số 268 chứa ma túy hoàn lại sau giám định ký hiệu T8; 01 phong bì niêm phong số 268 chứa ma túy hoàn lại sau giám định ký hiệu T7; 01 phong bì niêm phong số 268 chứa ma túy hoàn lại sau giám định ký hiệu T6; 01 phong bì niêm phong số 268 chứa ma túy hoàn lại sau giám định ký hiệu T5; 01 phong bì niêm phong số 268 chứa ma túy hoàn lại sau giám định ký hiệu T4; 01 phong bì niêm phong số 268 chứa ma túy hoàn lại sau giám định ký hiệu T3; 01 phong bì niêm phong số 268 chứa ma túy hoàn lại sau giám định ký hiệu T2; 01 phong bì niêm phong số 268 chứa ma túy hoàn lại sau giám định ký hiệu T1;

+ 01 túi nilon có ghi chữ H1 bên trong có 01 hộp nhựa hình trụ tròn màu trắng không nắp đáy; 01 túi nilon có ghi chữ H2 bên trong có 01 hộp bìa carton màu xanh, mặt hộp có ký tự “Vmax”; 01 hộp nhựa hình trụ tròn màu trắng có nắp đáy; 01 túi nilon ghi chữ H3 bên trong túi có 01 hộp nhựa trong suốt, có nắp đáy ghi ký tự “Nụ trầm đốt đỉnh”; 01 túi nilon ghi chữ H4 bên trong có 01 hộp nhựa trong suốt, có nắp đáy; 04 hộp nhựa hình trụ tròn màu trắng có nắp đáy cùng kích thước khoảng 5cm x 4,5cm, thân hộp dán ký tự “SHARK EXTRACT”; 01 túi nilon ghi chữ H5 bên trong có 01 hộp kim loại hình lục giác; 01 túi nilon dán kín mặt túi ghi chữ H6 bên trong có chứa 01 hộp kim loại hình trụ tròn màu đỏ - vàng nâu, mặt ngoài đáy hộp có ký tự “LU BÁNH QUY BỒ CÔNG THỨC PHÁP”; bên trong hộp có 06 gói nilon dán kín cùng kích thước khoảng 12cm x 8cm bên trong có nhiều túi zip trong suốt, miệng túi zip có vạch kẻ ngang.

Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/10/2024 giữa Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3.3. Kiến nghị các Tập đoàn V1 (V2) thu hồi các số thuê bao 0339.248.373 của Nguyễn Đình H, 0334.393.403 của Nguyễn Xuân S theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền hiện có trong tài khoản thuê bao di động nêu trên (nếu có).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Nguyễn Đình H, Nguyễn Xuân S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho Phạm Ngọc G.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Người bào chữa;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu